CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP May Xuất khẩu Phan Thiết

Ngày 15/01/2024	400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**33.3%**	**33.3%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	300 - 400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2
Số lượng CPLH (CP)	4,996,185
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.62)
EPS	
P/E	

DT thuần
Q4/23
tỷ VNĐ
#VALUE!
-

LN thuần
Q4/23
tỷ VNĐ
#VALUE!
-

LN sau thuế
Q4/23
tỷ VNĐ
#VALUE!
-

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
12.5%
YoY: +/-▲ 0.3%

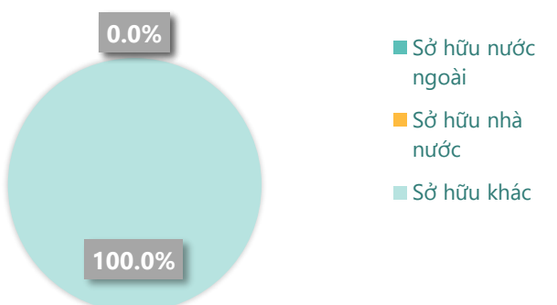
ROE
2023
29.3%
YoY: +/-▼ 3.8%

DT thuần
2023
461
tỷ VNĐ
YoY: ▼40.0| -8.0%

LN thuần
2023
57.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.30| -5.5%

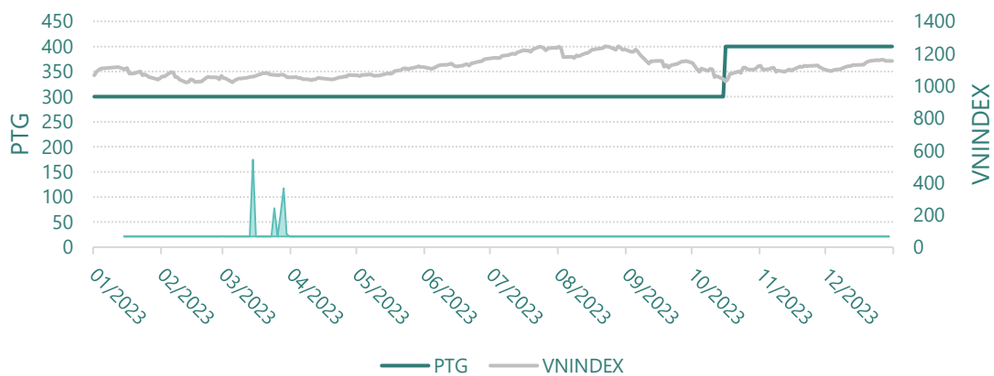
LN sau thuế
2023
46.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.60| -5.3%

Cơ cấu sở hữu

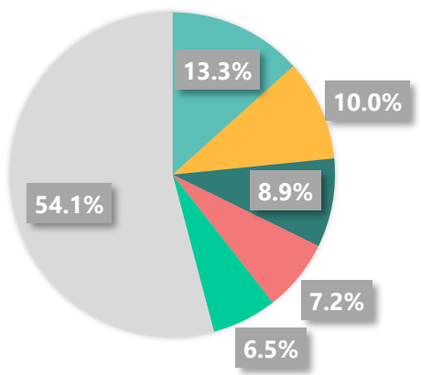


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



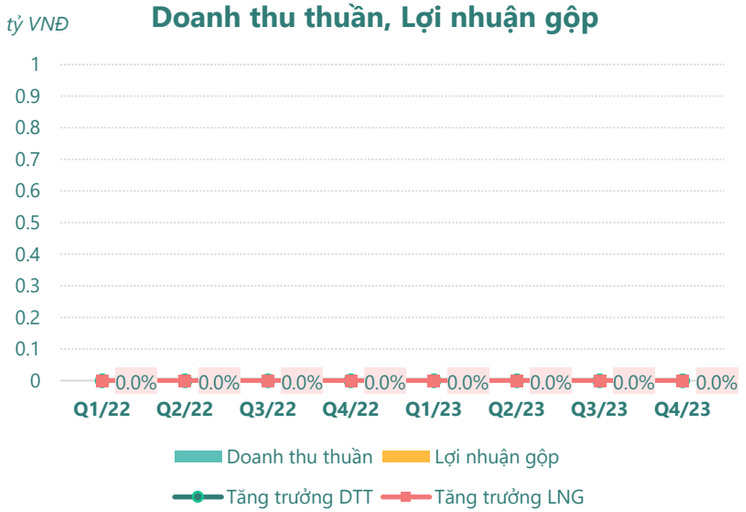
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

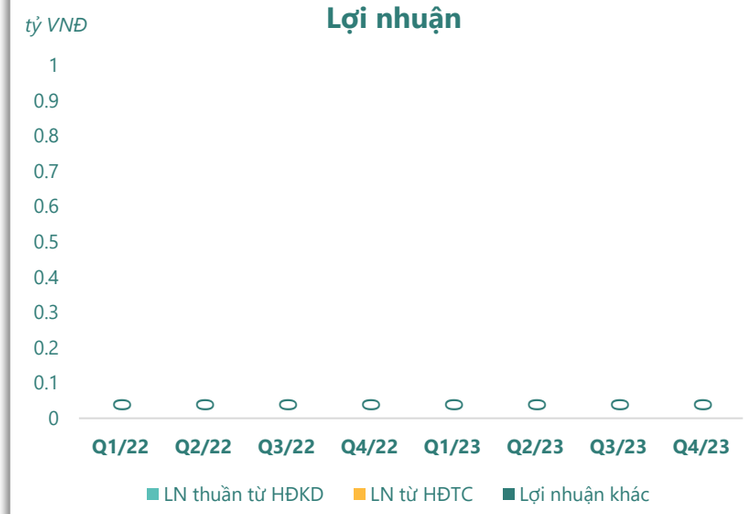
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



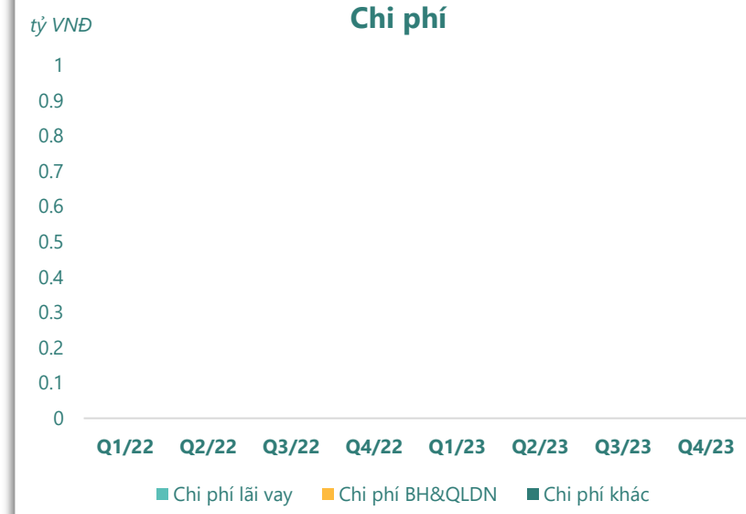
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



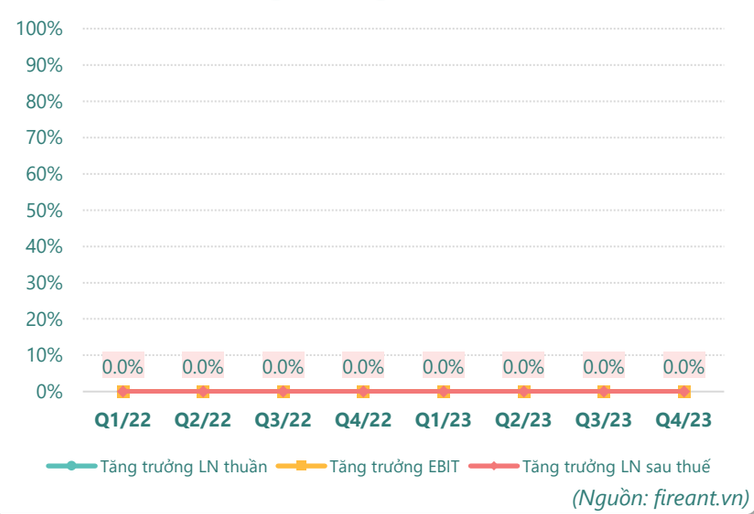
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



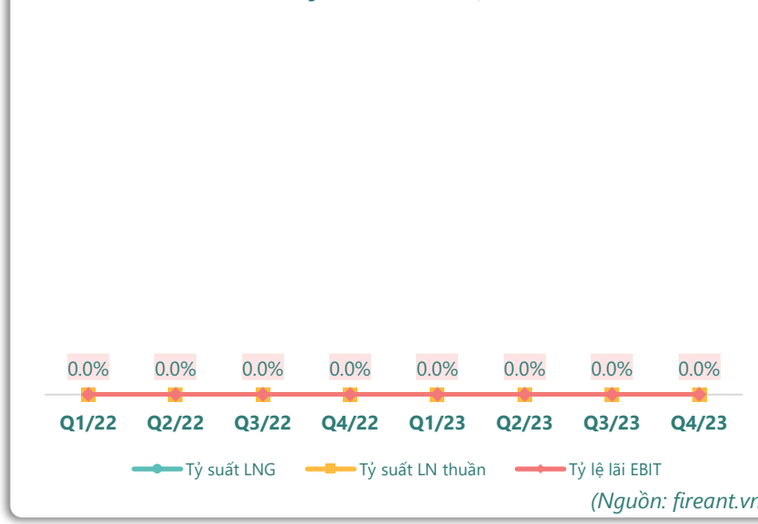
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



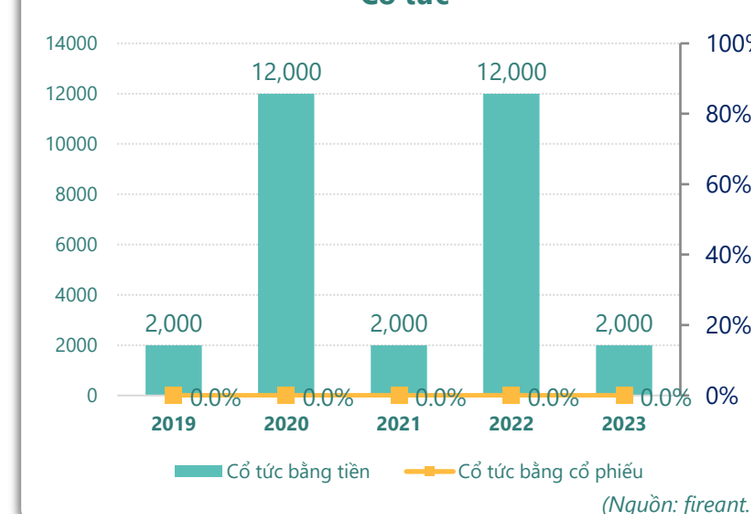
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

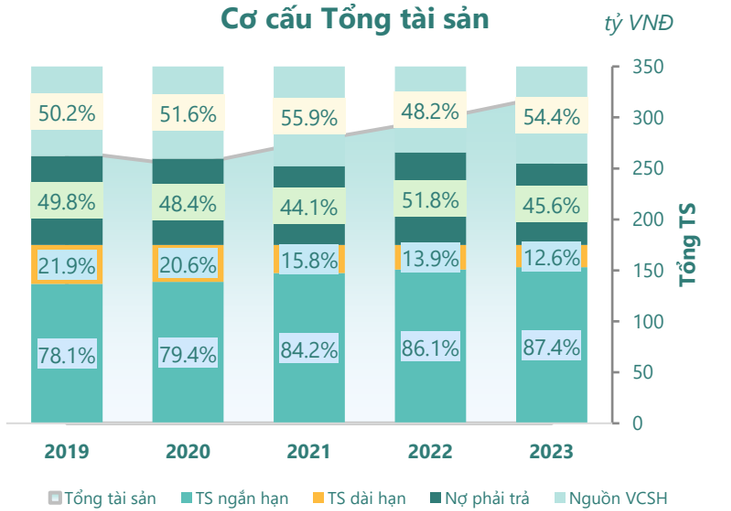
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

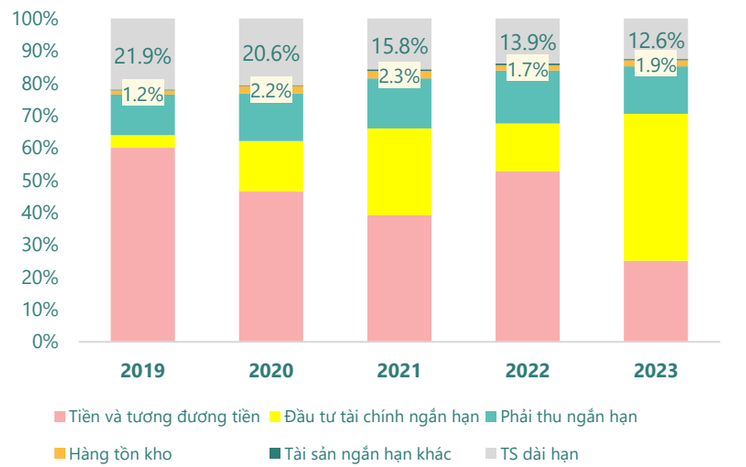
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



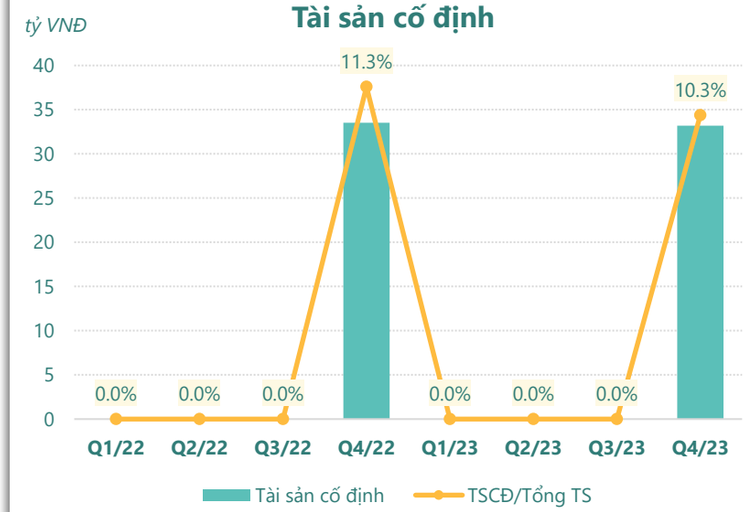
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



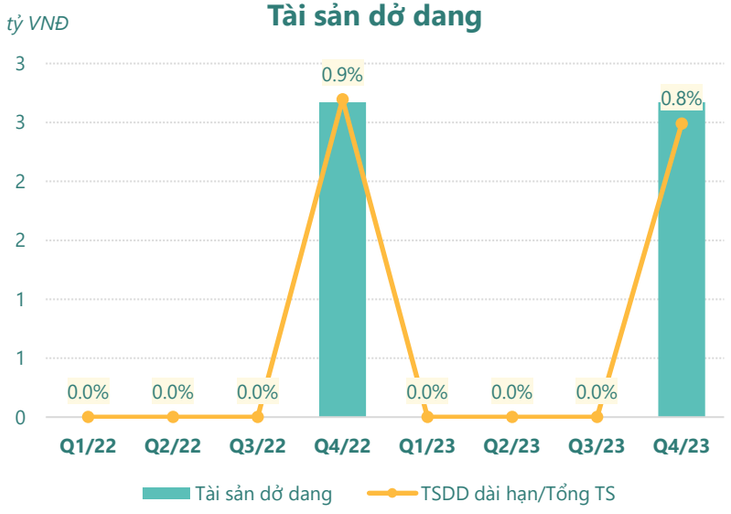
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



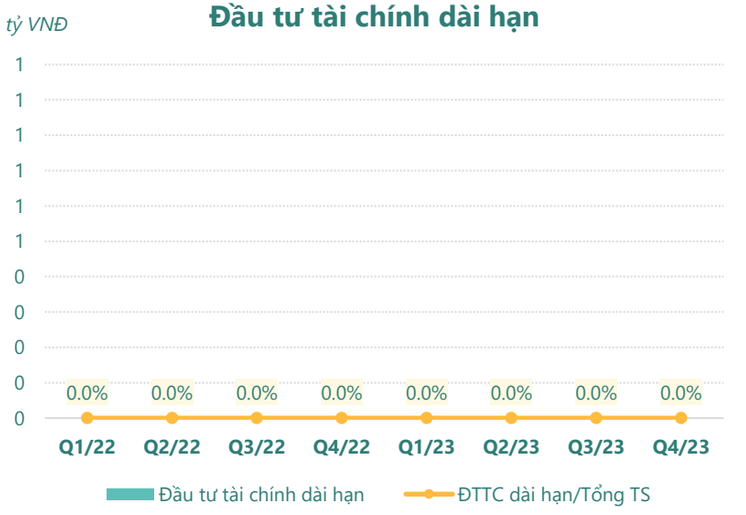
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



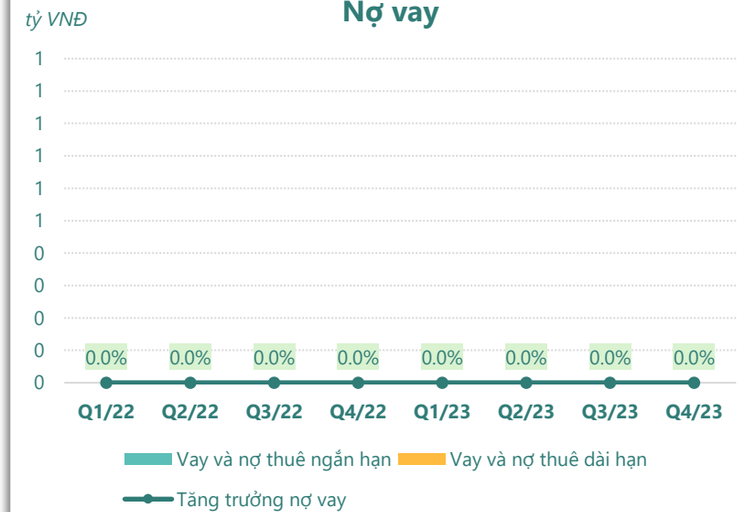
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

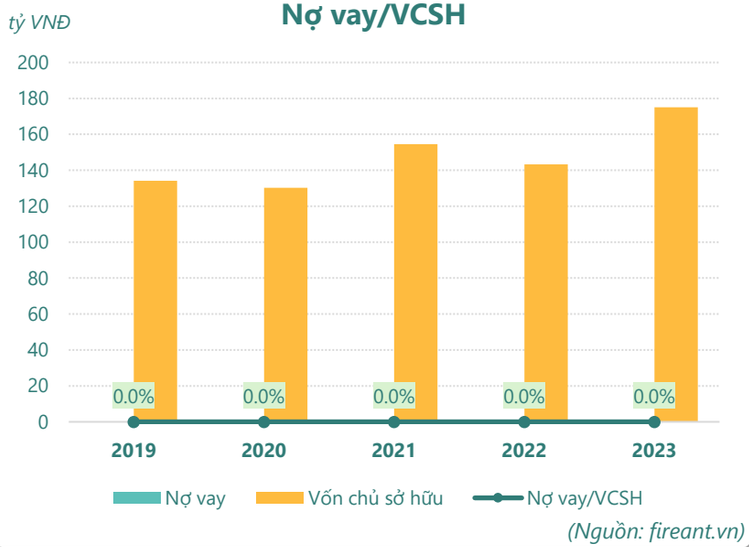
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

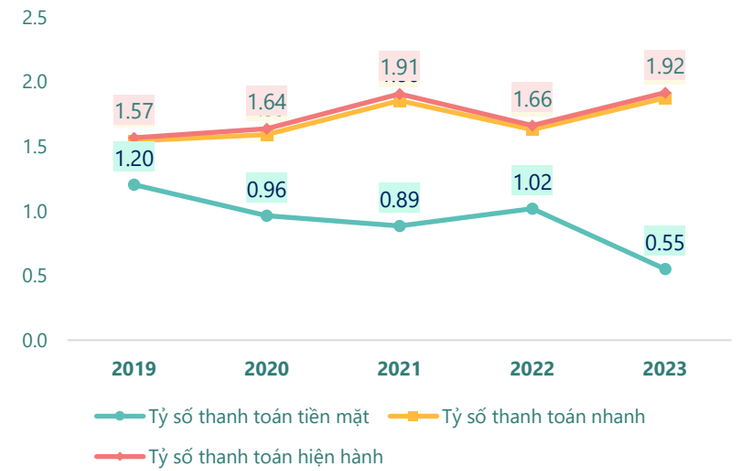
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



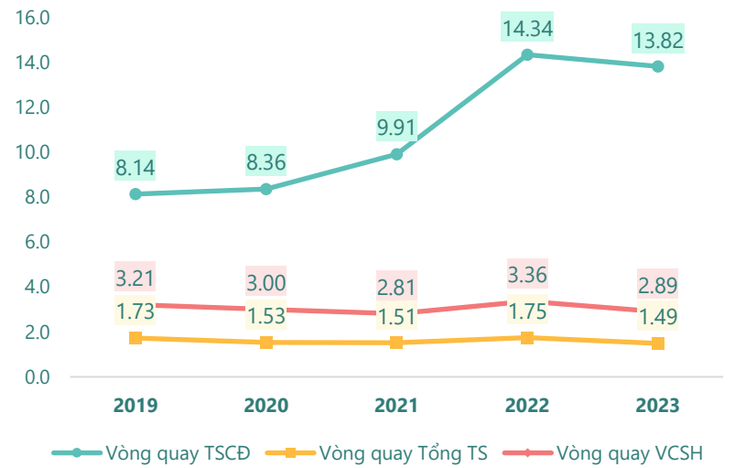
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



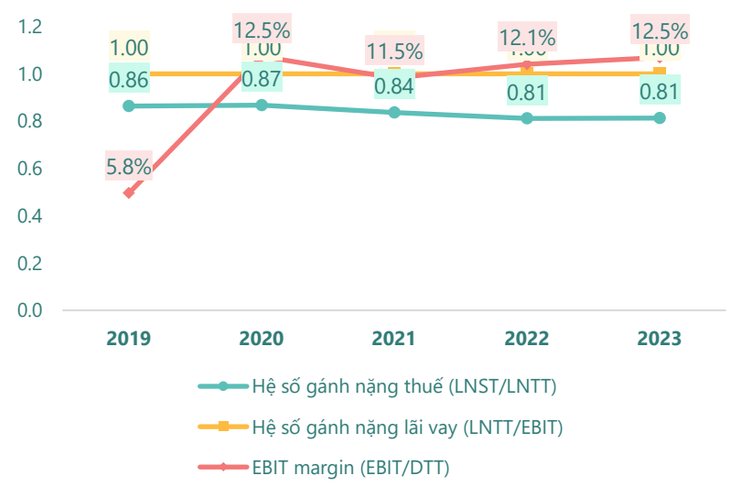
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



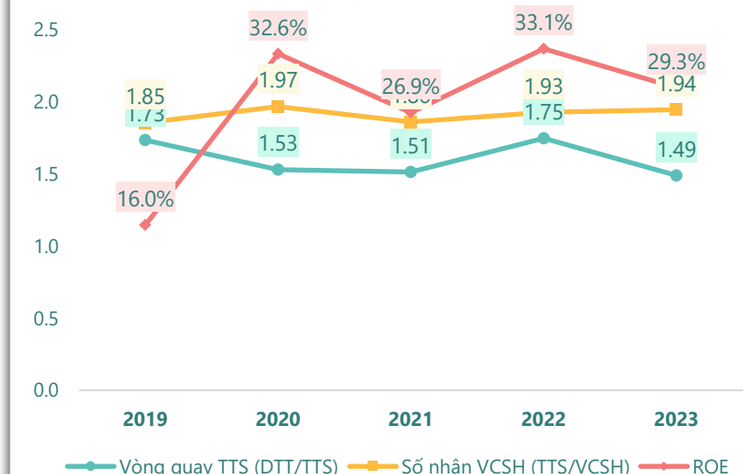
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



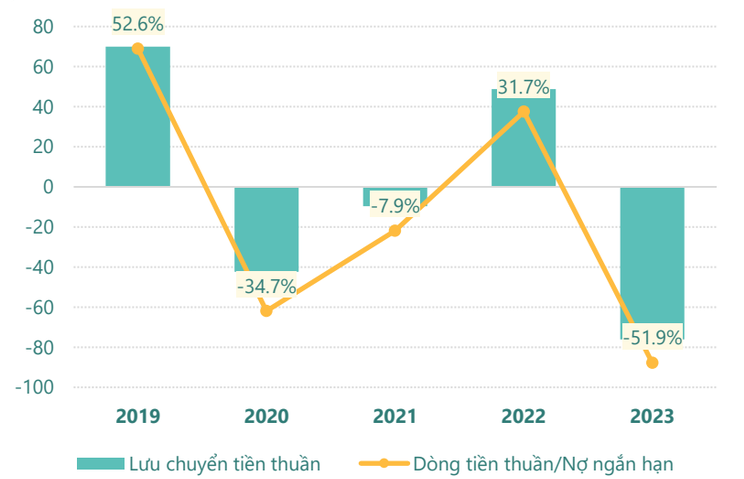
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				**461**	**501**	**-8.0%**
Giá vốn hàng bán				404	437	-7.5%
Lợi nhuận gộp				56.7	64.1	-11.4%
Doanh thu HĐTC				15.5	12.9	20.8%
Chi phí TC				0.79	2.23	-64.4%
Chi phí lãi vay				0	0	
LN trong công ty LKLD				**0**	**0**	
Chi phí bán hàng				1.75	1.84	-4.6%
Chi phí QLDN				**12.2**	**12.0**	**2.0%**
LN thuần từ HĐKD				57.5	60.8	-5.5%
Lợi nhuận khác				**-0.03**	**-0.03**	**-22.7%**
LN trước thuế				57.4	60.8	-5.5%
Lợi nhuận sau thuế				**46.7**	**49.3**	**-5.3%**
LNST của CĐ cty mẹ				**46.7**	**49.3**	**-5.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**322**	**297**	**8.3%**
Tài sản ngắn hạn	281	256	9.9%
Tiền và tương đương tiền	80.8	157	-48.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	146	43.8	234%
Phải thu ngắn hạn	47.3	48.6	-2.7%
Hàng tồn kho	6.04	4.93	22.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.19	1.71	-30.5%
Tài sản dài hạn	**40.5**	**41.3**	**-1.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	33.2	33.5	-0.9%
Bất động sản đầu tư	2.93	3.30	-11.1%
Tài sản dở dang	2.67	2.67	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.69**	**1.80**	**-6.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	147	154	-4.7%
Nợ ngắn hạn	**147**	**154**	**-4.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.10	6.31	-35.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**175**	**143**	**22.2%**
Vốn chủ sở hữu	**175**	**143**	**22.2%**
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)